

Số: **59/2024/QĐST-DS**

Thành phố Bến Tre, ngày 15 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 286/2023/TLST- DS ngày 16/10/2023 về việc: "*Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:*

* *Nguyên đơn:* - Ông **Nguyễn Thành Đ**; sinh năm 1959

Nơi cư trú: ấp A, xã S, thành phố BT, tỉnh BT

- Ông **Nguyễn Thành A**; sinh năm 1967

Nơi cư trú: ấp C, xã S, thành phố BT, tỉnh BT

Ông A ủy quyền cho ông **Nguyễn Thành Đ**; sinh năm 1959; Nơi cư trú: ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh BT tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề có liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông **Lê Văn H** – luật sư Văn phòng luật sư L – thuộc Đoàn luật sư tỉnh BT

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh Nh**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh BT

Ông Nhàn ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: khu phố D, phường K, thành phố T và ông **Trần Trọng Tr**, sinh năm 1981 địa chỉ liên hệ:

khu phố B, phường L, thành phố BT, tỉnh BT tham gia tổ tụng và quyết định mọi vấn đề có liên quan.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

- Bà **Nguyễn Thị Tr1**, sinh năm 1962

- Bà **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1964

Cùng cư trú: ấp A, xã S, thành phố BT, tỉnh BT

- Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp A, xã S, thành phố BT, tỉnh BT

Bà Tr1, bà Loan ủy quyền cho ông **Nguyễn Thành Đ**; sinh năm 1959; Nơi cư trú: ấp A, xã S, thành phố BT, tỉnh BT tham gia tổ tụng và quyết định mọi vấn đề có liên quan.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Đ và ông A đồng ý xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Thanh Nh vào năm 2020 và yêu cầu đối với số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) tiền giải tỏa đền bù.

Đình chỉ yêu cầu về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Thanh Nh và yêu cầu đối với số tiền 310.000.000 đồng.

Ông Nh đồng ý cắt một phần đất có diện tích 97,7m² thuộc thửa 881b tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã Sơn Đông thành phố Bến Tre giao cho ông A.

2.2 Các bên không tranh chấp đối với các phần đất có diện tích 347,2m² thuộc thửa 58 tờ bản đồ số 10 và phần đất có diện tích 1.272,6m² thuộc thửa 117 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã S thành phố BT và giao cho ông A toàn quyền quản lý sử dụng.

2.3 Đối với phần đất có diện tích 768,6m² thuộc thửa 23 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã S thành phố Bến Tre là phần đất thừa kế của ông D để lại các bên thống nhất:

- Bà Th được nhận một phần đất có diện tích 389,8m² thuộc thửa 23a tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã S, thành phố BT.

- Bà L được nhận một phần đất có diện tích 91m² thuộc thửa 23b tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã S, thành phố BT.

- Ông Đ được nhận một phần đất có diện tích 85m² thuộc thửa 23c tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã S, thành phố BT

- Ông A được nhận phần đất có diện tích 79,1m² thuộc thửa 23d tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã S, thành phố BT

- Bà Tr1 được nhận phần đất còn lại có diện tích 123,7m² thửa 23e tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã S, thành phố BT

(Có họa đồ vị trí thửa đất kèm theo)

Các phần đất trên không đủ diện tích tách thửa theo qui định nhưng do đây là tranh chấp thừa kế nên đề nghị cắt chia theo đúng thỏa thuận.

Chi phí tổ tụng các bên tự thỏa thuận.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm được giảm 50%: ông A phải nộp là 13.060.000 đồng (Mười ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 10.089.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002077 và 0002078 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, ông A còn phải nộp tiếp số tiền là 2.971.000 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi một ngàn đồng). Bà Th phải nộp là 43.286.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn đồng) và bà L phải nộp là 14.740.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng). Ông Đ, bà Tr1 được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- TAND tỉnh
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

